TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI,
TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 57/2023/DS-ST
Ngày 01-3-2023
Vv tranh chấp hợp đồng tín dụng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Xuân Minh.

2. Ông Huỳnh Văn Năm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hường, là Thư ký Tòa án nhân dân *huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Phạm Huỳnh Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 606/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2022, về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2023/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần C; địa chỉ: Số A T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng V – Trưởng Phòng G; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số: 216/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 27/01/2022 về việc ủy quyền thường xuyên tham gia tố tụng của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP C); có mặt.

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Hùng M, sinh năm 1972; địa chỉ: Khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

2. Bà Lưu Thị H, sinh năm 1976; địa chỉ: Khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Anh K, sinh năm 2004; địa chỉ: Khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Anh T, sinh năm 2008; địa chỉ: Khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của chị T: Ông Nguyễn Hùng M và bà Lưu Thị H; địa chỉ: Khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau; là người đại diện theo pháp luật (cha mẹ chị T); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 5 năm 2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng V trình bày: Ông Nguyễn Hùng M và bà Lưu Thị H có đến Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh C1 đề nghị vay vốn và được chấp thuận cho vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: 20.095.007/2021-HĐCVHM/NHCT860 ngày 19 tháng 02 năm 2021; số tiền vay: 2.500.000.000 đồng; thời hạn duy trì hạn mức: Từ ngày 19/02/2021 đến hết ngày 17/02/2023; thời hạn cho vay: 06 tháng/GNN; lãi suất cho vay: 9%/năm; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay thông thường theo từng thời kỳ; ngày trả gốc và lãi: Ngày 25 hàng tháng; đã quá hạn thanh toán kể từ ngày 28/12/2021. Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, Ngân hàng giải ngân cho ông M, bà H 13 lần với tổng số tiền là 2.500.000.000 đồng; cụ thể: Ngày 24/01/2022 giải ngân 250.000.000 đồng; ngày 03/08/2021 giải ngân 70.000.000 đồng; ngày 04/08/2021 giải ngân 75.000.000 đồng; ngày 09/09/2021 giải ngân 51.000.000 đồng; ngày 16/09/2021 giải ngân 250.000.000 đồng; ngày 17/09/2021 giải ngân 260.000.000 đồng; ngày 21/09/2021 giải ngân 230.000.000 đồng; ngày 22/09/2021 giải ngân 250.000.000 đồng; ngày 24/09/2021 giải ngân 250.000.000 đồng; ngày 28/09/2021 giải ngân 270.000.000 đồng; ngày 29/09/2021 giải ngân 54.000.000 đồng; ngày 16/11/2021 giải ngân 210.000.000 đồng; ngày 09/12/2021 giải ngân 280.000.000 đồng. Tất cả các khoản vay trên vợ chồng ông M, bà H chưa trả gốc.

Để bảo đảm cho khoản vay trên vợ chồng ông M, bà H thế chấp 03 tài sản gồm các thửa đất số 230, 330 tờ bản đồ số 21 tọa lạc tại khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau cùng một ngôi nhà được công nhận quyền sở hữu tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 137590 do UBND huyện T cấp ngày 10/09/2013. Các tài sản trên được bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số 13.070.022/HĐBĐ ngày 13/11/2013; Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 01-13.070.022/HĐBD ngày 27/02/2020 và Hợp đồng thế chấp số 21.095.009/2021/HĐBD/NHCT860 ngày 08/02/2021.

Trong quá trình vay vốn ông Nguyễn Hùng M và bà Lưu Thị H đã vi phạm hợp đồng cho vay đã ký kết, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, chây ỳ, cố tình không trả nợ mặt dù Ngân hàng cũng đã nhiều lần gửi thư mời, đôn đốc, làm việc trực tiếp với ông Nguyễn Hùng M và bà Lưu Thị H yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng đến nay vẫn không thực hiện.

Tính đến ngày 28/02/2023, vợ chồng ông M, bà H còn nợ của Ngân hàng số tiền 2.902.353.835 đồng trong đó nợ gốc 2.500.000.000 đồng và nợ lãi 402.353.835 đồng. Đề nghị Tòa xem xét và quyết định buộc vợ chồng ông H1, bà M trả hết số nợ nêu trên và phần lãi suất phát sinh tính theo mức lãi suất ghi trong hợp đồng cho vay hạn mưc cho đến khi trả hết nợ vay.

Nếu ông Nguyễn Hùng M và bà Lưu Thị H tiếp tục không thanh toán nợ vay, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà mau tuyên xử lý tài sản thế chấp để Ngân hàng thu hồi nợ vay theo quy định pháp luật hiện hành.

Quá trình giải quyết vụ án, vợ chồng ông H1, bà M không cung cấp ý kiến của mình đối với nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì có căn cứ. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng TMCP C cho vợ chồng ông Nguyễn Hùng M, bà Lưu Thị H vay vốn theo hợp đồng tín dụng đã giao kết. Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp dân sự mà cụ thể là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vợ chồng ông M, bà H cư trú tại thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vợ chồng ông M, bà H cùng các con là anh K, chị T vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt vợ chồng ông M, bà H, anh K, chị T.

[3] Xét yêu cầu trả nợ của Ngân hàng, Hội đồng xét xử nhận định: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý cho vợ chồng ông M, bà H cũng như triệu tập đến Tòa để giải quyết vụ án. Tuy nhiên vợ chồng ông M, bà H không có mặt cũng không cung cấp văn bản ý kiến của mình về nội dung vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào lời khai của Ngân hàng cũng như các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án. Mặc dù không có sự thừa nhận của vợ chồng ông M, bà

H nhưng thông qua hợp đồng thế chấp tài sản quyền sử dụng đất có xác thực của Văn phòng công chứng cũng như việc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng Đ chi nhánh huyện T thì vợ chồng ông M, bà H có thế chấp để vay vốn tại Ngân hàng TMCP C.

[4] Xét Hợp đồng cho vay hạn mức số 20.095.007/2021-HĐCVHM/NHCT860 ngày 19 tháng 02 năm 2021 giữa Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh C1 và vợ chồng ông Nguyễn Hùng M, bà Lưu Thị H thấy rằng vợ chồng ông M, bà H có ký kết để vay số tiền 2.500.000.000 đồng; lãi suất cho vay 9%/năm; lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay thông thường theo từng thời kỳ. Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, Ngân hàng giải ngân cho ông M, bà H 13 lần, các lần giải ngân đều có Giấy nhận nợ cụ thể với tổng số tiền giải ngân là 2.500.000.000 đồng.

[5] Tính đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2023, vợ chồng ông M, bà H còn nợ của Ngân hàng tổng số tiền số tiền 2.902.353.835 đồng trong đó nợ gốc 2.500.000.000 đồng và nợ lãi 402.353.835 đồng. Do ông M, bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên căn cứ theo quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự, Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử nhận định cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông M, bà H phải trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn nêu trên.

[6] Theo Hợp đồng tín dụng, để đảm bảo khoản vay hai bên có ký kết Hợp đồng thế chấp số 13.070.022/HĐBĐ ngày 13/11/2013; Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 01-13.070.022/HĐBD ngày 27/02/2020 và Hợp đồng thế chấp số 21.095.009/2021/HĐBD/NHCT860 ngày 08/02/2021. Theo nội dung hợp đồng, bên vay thế chấp 03 tài sản gồm các thửa đất số 230, 330 tờ bản đồ số 21 tọa lạc tại khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau cùng một ngôi nhà được công nhận quyền sở hữu tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 137590 do UBND huyện T cấp ngày 10/09/2013. Hợp đồng được các bên giao kết phù hợp với các quy định pháp luật, đã được công chứng tại văn phòng công chứng và đã thực hiện việc đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện T, hiện tại không có tranh chấp gì về hợp đồng thế chấp này. Áp dụng các Điều 298, 299, 307, 317, 318, 319, 320 và 322 của Bộ luật dân sự, hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật, các bên phải tuân thủ theo thỏa thuận trong hợp đồng nên nếu vợ chồng ông M, bà H không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của bên thế chấp để thu hồi nợ. Trường hợp phát mãi tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì vợ chồng ông M, bà H phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ cho Ngân hàng.

[7] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.000.000 đồng. Ngân hàng đã nộp tạm ứng trước. Theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự, vợ chồng ông M, bà H phải chịu chi phí này nên vợ chồng ông bà có trách nhiệm hoàn lại số tiền này cho Ngân hàng.

[8] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, vợ chồng ông M, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 72.000.000 đồng + (2.902.353.835 đồng – 2.000.000.000 đồng) x 2% = 90.047.000 đồng. Vì toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 298, 299, 307, 317, 318, 319, 320, 322, 323, 357, 463, 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Hùng M, bà Lưu Thị H trả cho Ngân hàng TMCP C số tiền là 2.902.353.835 (hai tỉ chín trăm lẻ hai triệu ba trăm năm mươi ba nghìn tám trăm ba mươi lăm) đồng, trong đó nợ gốc 2.500.000.000 (hai tỉ năm trăm triệu) đồng, nợ lãi 402.353.835 (bốn trăm lẻ hai triệu ba trăm năm mươi ba nghìn tám trăm ba mươi lăm) đồng.

Kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc theo mức lãi suất tương ứng của Hợp đồng cho vay hạn mức số 20.095.007/2021-HĐCVHM/NHCT860 ngày 19 tháng 02 năm 2021 cho đến khi thi hành án xong.

2. Trường hợp vợ chồng ông Nguyễn Hùng M, bà Lưu Thị H không trả được nợ thì Ngân hàng TMCP C có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là chấp 03 tài sản gồm: Thửa đất số 230, tờ bản đồ số 21, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 137589 do UBND huyện T cấp ngày 10/09/2013, tọa lạc tại khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau; thửa đất số 330, tờ bản đồ số 21, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 180287 do UBND huyện T cấp ngày 24/11/2011, tọa lạc tại khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau; nhà ở được công nhận quyền sở hữu tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 137590 do UBND huyện T cấp ngày 10/09/2013, tọa lạc tại khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau để ngân hàng thu hồi nợ. Trường hợp tại thời điểm phát mãi có tài sản gắn liền phát sinh thì cũng được xử lý để ngân hàng thu hồi nợ. Trường hợp phát mãi tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì vợ chồng ông Nguyễn Hùng M, bà Lưu Thị H phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ cho Ngân hàng.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Vợ chồng ông Nguyễn Hùng M, bà Lưu Thị H phải hoàn lại cho Ngân hàng TMCP C 1.000.000 (một triệu đồng) đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ mà Ngân hàng đã nộp.

4. Về án phí: Vợ chồng ông Nguyễn Hùng M, bà Lưu Thị H phải chịu 90.047.000 (chín mươi triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn) đồng án phí dân sự

sơ thẩm.

H2 lại cho Ngân hàng TMCP C 42.169.000 (bốn mươi hai triệu một trăm sáu mươi chín nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005607 ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H.Trần Văn Thời;
- CCTHADS H. Trần Văn Thời;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hợp